BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 317/QĐ-BCĐCTMTQG	*Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TRƯỞNG BAN
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vương Đình Huệ

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 317/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về trách nhiệm, quyền hạn; chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo.

Điều 2. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 3. Thường trực Ban Chỉ đạo gồm Trưởng Ban, các Phó trưởng Ban và các ủy viên thường trực thuộc các cơ quan: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Văn phòng Chính phủ.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Ban Chỉ đạo

a) Thay mặt Ban Chỉ đạo xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; các nội dung tại Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 80); xử lý các vấn đề phát sinh trong trường hợp không tổ chức họp Ban Chỉ đạo;

b) Tổng hợp báo cáo liên quan đến quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80 trình Ban Chỉ đạo và Thủ tướng Chính phủ;

c) Xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban Chỉ đạo;

d) Kiến nghị Ban Chỉ đạo giải quyết các đề xuất của các thành viên Ban Chỉ đạo.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo được giao tại Điều 2, Điều 3 Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020

a) Chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo;

b) Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo để triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80;

c) Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó trưởng Ban Chỉ đạo

1. Phó trưởng Ban Chỉ đạo - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công;

b) Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo trực tiếp điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo trong việc chỉ đạo triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

c) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

d) Kiểm tra, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo về sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

đ) Thừa ủy quyền Trưởng Ban Chỉ đạo xử lý các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo liên quan đến các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

e) Chủ trì tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo;

g) Thực hiện chế độ báo cáo trực tiếp với Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Phó trưởng Ban Chỉ đạo - Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công;

b) Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo trực tiếp điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo trong việc chỉ đạo triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80;

c) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80;

d) Kiểm tra, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo về sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80;

đ) Thừa ủy quyền Trưởng Ban Chỉ đạo xử lý các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo liên quan đến các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80;

e) Chủ trì tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo;

g) Thực hiện chế độ báo cáo trực tiếp với Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và các nội dung tại Nghị quyết số 80.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Nhiệm vụ, quyền hạn chung của Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

b) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cơ chế chính sách theo chức năng của bộ, ngành được quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80;

c) Theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và các chính sách về giảm nghèo theo nhiệm vụ được phân công;

d) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan triển khai các nhiệm vụ, hoạt động do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công về quản lý, điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo

a) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

- Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo trực tiếp điều phối các hoạt động của Ban Chỉ đạo trong việc chỉ đạo triển khai, thực hiện Chương trình 135 (dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020).

- Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách để thực hiện Chương trình 135.

- Thực hiện chế độ báo cáo trực tiếp với Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện Chương trình 135.

b) Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Đề xuất cơ chế, chính sách về quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, các chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

- Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo chỉ đạo việc quản lý chung các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; tổng hợp kế hoạch và nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo Ban Chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ.

c) Thứ trưởng Bộ Tài chính

- Đề xuất cơ chế tài chính quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

- Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo chỉ đạo về tổng hợp nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

d) Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp việc trực tiếp Phó trưởng Ban Chỉ đạo - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, điều hành việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

đ) Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giúp việc trực tiếp Phó trưởng Ban Chỉ đạo - Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết 80;

e) Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ giúp việc trực tiếp Trưởng Ban Chỉ đạo và Ban Chỉ đạo về tổng hợp các đề xuất, kế hoạch hoạt động và lịch làm việc của Ban Chỉ đạo; tổ chức các buổi họp định kỳ, đột xuất theo chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên Ban Chỉ đạo

1. Ủy viên thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ được phân công;

b) Phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo trong thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công;

c) Đề xuất, kiến nghị với Trưởng Ban Chỉ đạo các cơ chế, chính sách để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực và chức năng, quyền hạn của bộ, ngành;

d) Tham mưu giúp Thủ trưởng cơ quan triển khai các nhiệm vụ, hoạt động do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

2. Các ủy viên được mời tham gia Ban Chỉ đạo

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ được phân công;

b) Phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo trong tổ chức giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

c) Đề xuất với Trưởng Ban Chỉ đạo các giải pháp theo dõi, giám sát và các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương III
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG

Điều 9. Nguyên tắc làm việc của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ trong việc quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết 80.

2. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể thảo luận, Trưởng Ban Chỉ đạo kết luận và chỉ đạo thực hiện.

3. Ban Chỉ đạo sử dụng bộ máy của các cơ quan có các thành viên tham gia Ban Chỉ đạo để hoạt động và theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; khoản 3 Điều 4 Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Chế độ làm việc

1. Ban Chỉ đạo làm việc thông qua các phiên họp định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo; thông qua lấy ý kiến các thành viên, Ban chỉ đạo bằng văn bản.

a) Nội dung cuộc họp, thành phần tham dự cuộc họp và thời điểm tổ chức cuộc họp của Ban Chỉ đạo do Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Phó trưởng Ban Chỉ đạo (khi Trưởng Ban Chỉ đạo ủy quyền) quyết định;

b) Cuộc họp của Ban Chỉ đạo phải được thông báo bằng văn bản về nội dung (tài liệu kèm theo), thời gian và địa điểm trước ít nhất 03 ngày làm việc. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm nghiên cứu văn bản, chuẩn bị ý kiến thảo luận, bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp của Ban Chỉ đạo khi được triệu tập;

c) Kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo được thể hiện bằng thông báo của Văn phòng Chính phủ;

d) Trường hợp không tổ chức được cuộc họp, có thể thông báo và xin ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo bằng văn bản;

đ) Thường trực Ban Chỉ đạo cho ý kiến sau cùng trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau giữa các thành viên Ban Chỉ đạo về cùng một vấn đề trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết 80.

2. Ban Chỉ đạo hoạt động theo kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để tổ chức thực hiện.

Điều 11. Mối quan hệ công tác

1. Quan hệ công tác giữa các thành viên với Trưởng Ban Chỉ đạo: các thành viên Ban Chỉ đạo tham gia các hoạt động chung của Ban Chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

2. Quan hệ công tác giữa các thành viên Ban Chỉ đạo: các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm phối hợp trong việc theo dõi, chỉ đạo triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách về giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

3. Quan hệ giữa thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: các thành viên Ban chỉ đạo có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và kế hoạch triển khai từng chương trình, dự án thành phần thuộc chương trình và các chính sách về giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tạo điều kiện để Ban Chỉ đạo Trung ương hướng dẫn, kiểm tra và tiến hành các hoạt động có liên quan đến việc thực hiện các nội dung, kế hoạch, nhiệm vụ của các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết 80.

2. Định kỳ 6 tháng (chậm nhất là ngày 20 tháng 7 hàng năm) và hàng năm (chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm sau) báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương (thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư) về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia của bộ, ngành, địa phương mình; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị giải pháp tháo gỡ.

Điều 13. Trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện

1. Thường trực Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, trên cơ sở đề xuất của các thành viên Ban Chỉ đạo, các Phó trưởng Ban Chỉ đạo báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định./.

TRƯỞNG BAN
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vương Đình Huệ